

Bản án số: 626/2024/HNGĐ-ST

Ngày : 14 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Triều Xuân

2/ Ông Đỗ Quang Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “Vụ án ly hôn – Mâu thuẫn gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số x đường B, Thị trấn C, huyện G, tỉnh T;

Địa chỉ liên lạc: Số x đường B, Phường M, Quận T, Thành phố H.

(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Thái Hồng T, sinh năm 1981

(vắng mặt)

Địa chỉ: Số x đường L, Phường M, Quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2023, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 29/5/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T tự nguyện sống chung vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H vào ngày 09/03/2018.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 vì lý do không hợp nhau về tính tình, không lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân, sống riêng nhà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Thái Hồng T.

Do ông T có mặt tại nơi cư trú Phường 15 Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cố tình gây khó khăn cho bà, hai bên không có tiếng nói chung nên bà Nguyễn

Thị Minh T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được đơn phương ly hôn với ông Thái Hồng T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T có 01 con chung tên Thái Nguyễn Hồng T sinh ngày 02/4/2019.

Trong trường hợp ly hôn: Bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh T xác nhận bà và ông Thái Hồng T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn ông Thái Hồng T có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ số Số x đường L, Phường M, Quận T, Thành phố H và có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt không đến tòa nên Tòa án không thu được lời khai.

Do ông Thái Hồng T vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Ngày 29/5/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Thái Hồng T. Vợ chồng Bà T và ông T chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy hôn nhân của ông T và Bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay phía bị đơn ông T không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T có 01 con chung tên Thái Nguyễn Hồng T sinh ngày 02/4/2019. Đề nghị giao con chung Thái Nguyễn Hồng T cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T đến khi Bà T có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Thái Hồng T cư trú tại Quận 8 nên vụ án này

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thái Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không đến để tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T tự nguyện sống chung vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H vào ngày 09/03/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T xin được ly hôn với ông Thái Hồng T do Bà T không còn tình cảm với ông T, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông T với Bà T nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T không mong muốn hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng, đã không có sự cần thiết giữ gìn mối quan hệ này. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T có 01 con chung tên Thái Nguyễn Hồng T sinh ngày 02/4/2019. Trong trường hợp ly hôn: Bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét, yêu cầu này của Bà T phù hợp với thực tế vì trẻ sống với Bà T từ lúc sinh ra đến nay nên đã quen với môi trường sống và sự chăm sóc của mẹ, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Thái Nguyễn Hồng T cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T đến khi Bà T có yêu cầu.

Xét về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Thái Hồng T (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H vào ngày 09/03/2018).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Thái Hồng T có 01 con chung tên Thái Nguyễn Hồng T sinh ngày 02/4/2019. Giao con chung Thái Nguyễn Hồng T cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T đến khi Bà T có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0036556 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 15, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Trần Thị Thu Hiệp